|  |
| --- |
| **CÂU HỎI ÔN TẬP HỌC KÌ 1 MÔN ĐỊA LÍ - KHỐI 12** |

1. Nhiệt độ trung bình năm của nước ta

A. đều trên 200C ở mọi nơi

B. đều dưới 200C ở mọi nơi

C. trên 200C trừ vùng núi cao.

D. dưới 200C trừ vùng núi cao.

1. Số giờ nắng trung bình của nước ta

A. 1400 – 3000 giờ / năm

B. trên 3000 giờ / năm

C. dưới 1400 giờ / năm

D. 1000 – 2000 giờ/ năm

1. Xét về bức xạ thì nước ta

A. Tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ luôn dương

B. Tổng bức xạ nhỏ, cân bằng bức xạ luôn âm

C. Tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ luôn âm

D. Tổng bức xạ nhỏ, cân bằng bức xạ luôn dương

1. Tính chất ẩm của nước ta thể hiện qua yếu tố lượng mưa là

A. lượng mưa lớn, trung bình năm khoảng 1500 – 2000 mm

B. lượng mưa vừa phải, trung bình năm không quá 1500 mm

C. lượng mưa rất lớn, trung bình năm trên 2000 mm

D. lượng mưa lớn, trung bình năm khoảng 1000 – 2500 mm

1. Độ ẩm không khí của nước ta

A. Cao, trên 80%

B. Rất cao, trên 95%

C. Vừa phải, 70-80%

D. Thấp, dưới 70%

1. Tính chất ẩm của nước ta thể hiện qua

A. lượng mưa lớn, cân bằng luôn dương

B. lượng mưa nhỏ, cân bằng ẩm luôn âm

C. lương mưa lớn, cân bằng ẩm luôn âm

D. lượng mưa nhỏ, cân bằng ẩm luôn dương

1. Gió mùa mùa Đông hoạt động trong khoảng thời gian

A. từ tháng XI đến tháng IV năm sau

B. từ tháng IV đến tháng XI

C. từ tháng V đến tháng X

D. từ tháng X đến tháng V năm sau

1. Khu vực chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió mùa Đông Bắc ở nước ta là

A. ĐBSH và Bắc Trung Bộ.

B. vùng đồi núi Đông Bắc và Tây Bắc.

C. vùng đồi núi Đông Bắc và ĐBSH.

D. vùng ĐBSH và vùng đồi núi Tây Bắc.

1. Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc nên có

A. sông ngòi dày đặc.

B. địa hình đa dạng.

C. khoáng sản phong phú.

D. tổng bức xạ lớn.

1. Đặc điểm nổi bật của khí hậu Việt Nam là

A. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, nóng quanh năm.

B. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có hai mùa nóng, lạnh rõ rệt.

C. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có sự phân hoá rõ rệt.

D. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, nhiệt độ điều hoà quanh năm.

1. Kiểu thời tiết lạnh, khô xuất hiện ở miền Bắc nước ta vào

A. nửa đầu mùa đông.

B. giữa mùa đông.

C. nửa cuối mùa đông.

D. giữa mùa xuân.

1. Gió mùa mùa Hè hoạt động trong khoảng thời gian

A. từ tháng XI đến tháng IV năm sau

B. từ tháng IV đến tháng XI

C. từ tháng V đến tháng X

D. từ tháng X đến tháng V năm sau

1. Đặc điểm của gió Mậu dịch (Tín phong) tác động đến nước ta là

A. hoạt động quanh năm, nhưng mạnh lên vào các thời kì chuyển tiếp xuân - thu.

B. chỉ xuất hiện vào các thời kì chuyển tiếp xuân - thu.

C. hoạt động quanh năm, nhưng bị suy yếu vào các thời kì chuyển tiếp xuân - thu.

D. thổi quanh năm với cường độ như nhau.

1. Gió mùa mùa hè khi vào vùng Nam Bộ và Tây Nguyên đã

A. gây mưa lớn cho khu vực này

B. gây nên thời gian hạn hán cho khu vực này

C. gây nên thời gian lạnh cho khu vực này

D. gây nên một mùa đông cho vùng này

1. Gió mùa mùa đông tạo nên ở miền Bắc nước ta

A. mùa đông lạnh từ 1 đến 3 tháng

B. mùa mưa lớn kéo dài suốt mùa gió

C. thời kỳ hạn hán kéo dài suốt muà gió

D. thời kỳ nóng bức kéo dài từ 1 đến 3 tháng

1. Gió mùa nửa sau mùa đông khi vào vùng ven biển Trung bộ gây nên

A. mưa phùn

B. hạn hán

C. rét đậm

D. mưa rào

1. Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng của khí hậu nóng ẩm là

A. rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh

B. rừng khô nửa rụng lá

C. rừng gió mùa thường xanh

D. rừng gió mùa nửa rụng lá

1. Ở nước ta, rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh là

A. rừng nguyên sinh và còn lại rất ít

B. rừng nguyên sinh và rất phổ biến

C. rừng thứ sinh và còn lại ít

D. rừng thứ sinh và rất phổ biến

1. Cảnh quan tiêu biểu cho thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa của nước ta là

A. rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đất feralit

B. rừng khô nửa rụng lá phát triển trên đất feralit

C. rừng gió mùa nửa rụng lá phát triển trên đất feralit

D. rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh phát triển trên đất feralit

1. Đặc điểm không đúng với sông ngòi nước ta

A. Sông nước ta có lưu lượng nước nhỏ

B. Sông ngòi nước ta nhiều

C. Sông nước ta phần lớn là sông nhỏ

D. Sông nước ta giàu phù sa

1. Hệ thống sông có mạng lưới dạng nan quạt điển hình ở nước ta là

A. hệ thống sông Hồng.

B. hệ thống sông Mã.

C. hệ thống sông Cả.

D. hệ thống sông Cửu Long.

1. Hệ thống sông có tổng lượng cát bùn vận chuyển ra biển lớn nhất nước ta là

A. hệ thống sông Hồng.

B. hệ thống sông Mã.

C. hệ thống sông Cả.

D. hệ thống sông Đồng Nai.

1. Chế độ nước trên các con sông ở nước ta

A. thất thường, theo sát chế độ mưa

B. thất thường và không có cơ sở nào

C. ổn định và điều hòa quanh năm

D. có thay đổi trong năm nhưng không đáng kể

1. Hoạt động ngoại lực đóng vai trò chính trong sự hình thành và biến đổi địa hình Việt Nam hiện tại là

A. xâm thực - mài mòn.

B. xâm thực - bồi tụ.

C. xói mòn - rửa trôi.

D. mài mòn - bồi tụ.

1. Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên Việt Nam thể hiện trực tiếp và rõ nét nhất qua thành phần tự nhiên là

A. địa hình.

B. khí hậu.

C. sông ngòi.

D. thực vật.

1. Trong các thành phần tự nhiên của nước ta, thành phần khí hậu là thành phần

thể hiện trực tiếp và rõ nét nhất tính nhiệt đới ẩm gió mùa

thể hiện gián tiếp và ít rõ nét nhất tính nhiệt đới ẩm gió mùa

thể hiện trực tiếp và ít rõ nét nhất tính nhiệt đới ẩm gió mùa

thể hiện gián tiếp và rõ nét nhất tính nhiệt đới ẩm gió mùa

1. Kiểu khí hậu có một mùa khô ở Tây Nguyên làm nơi này xuất hiện kiểu thảm thực vật

Rừng rụng lá

Xavan cây bụi

Hoang mạc

Rừng gió mùa

1. “Bầu trời nhiều mây, tiết trời se lạnh, mưa ít, nhiều loại cây bị rụng lá”, đó là đặc điểm cảnh sắc thiên nhiên của

A. miền Bắc vào mùa đông.

B. miền Bắc vào mùa chuyển tiếp.

C. cả nước ta vào mùa đông.

D. miền Nam vào mùa thu đông.

1. Kiểu thời tiết điển hình của Nam Bộ vào thời kì tháng 11 đến tháng 4 năm sau là

A. nắng, ít mây và mưa nhiều.

B. nắng nóng, trời nhiều mây.

C. nắng, thời tiết ổn định, tạnh ráo.

D. nắng nóng và mưa nhiều.

1. Kiểu thời tiết đặc trưng ở Trung bộ khi gió Lào hoạt động mạnh là

A. nhiệt độ cao, độ ẩm thấp

B. nhiệt độ cao, độ ẩm cao.

C. nhiệt độ thấp, độ ẩm cao

D. nhiệt độ thấp, độ ẩm thấp.

1. Nguyên nhân chính khiến đất feralit có màu đỏ vàng là do

A. các chất bazơ dễ tan như Ca2+, K+, Mg2+ bị rửa trôi mạnh.

B. có sự tích tụ oxit sắt.

C. sự tích tụ ôxit nhôm.

D. có sự tích tụ đồng thời ôxit sắt và ôxit nhôm.

1. Nguyên nhân chính khiến đất feralit chua

A. các chất bazơ dễ tan như Ca2+, K+, Mg2+ bị rửa trôi mạnh.

B. có sự tích tụ oxit sắt.

C. sự tích tụ ôxit nhôm.

D. có sự tích tụ đồng thời ôxit sắt và ôxit nhôm.

1. Sự màu mỡ của đất feralit ở vùng đồi núi nước ta phụ thuộc chủ yếu vào

A. kĩ thuật canh tác của con người.

B. điều kiện khí hậu ở miền núi.

C. nguồn gốc đá mẹ khác nhau.

D. quá trình xâm thực - tích tụ.

1. Biểu hiện rõ nét nhất cho thấy tác động của khí hậu nhiệt đói ẩm gió mùa tới vùng núi đá vôi là

A. làm bề mặt địa hình bị cắt xẻ mạnh.

B. xói mòn lớp đất trên mặt tạo nên các bề mặt trơ sỏi, đá.

C. tạo nên các hang động ngầm, suối cạn, thung khô.

D. tạo nên hẻm vực, khe sâu, sườn dốc.

1. Yếu tố ảnh hưởng trực tiếp khiến phần lớn sông ngòi ở nước ta mang đặc điểm nhỏ, ngắn và độ dốc lớn là

A. địa hình, sinh vật và thổ nhưỡng.

B. khí hậu và sự phân bố địa hình.

C. hình dáng lãnh thổ và khí hậu.

D. hình dáng lãnh thổ và sự phân bố địa hình.

1. Nguyên nhân chủ yếu tạo điều kiện cho gió mùa Đông Bắc có thể lấn sâu vào miền Bắc nước ta là

A. vị trí địa lí nằm trong vành đai nội chí tuyến.

B. vị trí địa lí gần trung tâm của gió mùa mùa đông.

C. hướng các dãy núi ở Đông Bắc có dạng hình cánh cung đón gió.

D. địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp.

1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết biểu đồ khí hậu nào dưới đây có nhiệt độ trung bình các tháng luôn dưới 20°C?

A. Biểu đồ khí hậu Lạng Sơn.

B. Biểu đồ khí hậu Sa Pa.

C. Biểu đồ khí hậu Điện Biên Phủ.

D. Biểu đồ khí hậu Hà Nội.

1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết biểu đồ khí hậu nào dưới đây có nhiệt độ trung bình các tháng luôn trên 25°C?

A. Biểu đồ khí hậu Đà Nẵng.

B. Biểu đồ khí hậu TP. Hồ Chí Minh.

C. Biểu đồ khí hậu Sa Pa.

D. Biểu đồ khí hậu Hà Nội.

1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết nhận xét nào dưới đây không đúng về chế độ nhiệt ở nước ta?

A. Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam.

B. Nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ Bắc vào Nam.

C. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C (trừ các vùng núi).

D. Nhiệt độ trung bình năm có sự phân hóa theo không gian.

1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Đà thuộc lưu vực sông nào sau đây?

A. Lưu vực sông Thái Bình.

B. Lưu vực sông Hồng.

C. Lưu vực sông Mã.

D. Lưu vực sông Kì Cùng –Bằng Giang.

1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Vàm Cỏ Đông thuộc lưu vực sông nào sau đây?

A. Lưu vực sông Đồng Nai.

B. Lưu vực sông Thu Bồn.

C. Lưu vực sông Ba (Đà Rằng).

D. Lưu vực sông Mê Công

1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông La Ngà thuộc lưu vực sông nào sau đây?

A. Lưu vực sông Đồng Nai.

B. Lưu vực sông Thu Bồn.

C. Lưu vực sông Mê Công.

D. Lưu vực sông Ba (Đà Rằng).

1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết gió mùa mùa đông thổi vào nước ta theo hướng nào?

A. Đông Bắc.

B. Tây Bắc.

C. Tây Nam.

D. Đông Nam.

1. Câu 3. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết gió mùa mùa hạ thổi vào nước ta theo hướng nào?

A. Tây Nam.

B. Tây Bắc.

C. Đông Nam.

D. Đông Bắc.

1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết vùng khí hậu nào chịu ảnh hưởng nhiều nhất của gió Tây khô nóng?

A. Bắc Trung Bộ.

B. Nam Trung Bộ.

C. Nam Bộ.

D. Tây Bắc Bộ.

1. Dãy núi nào sau đây được coi là ranh giới giữa hai miền khí hậu Bắc - Nam ở nước ta?

A. Hoàng Liên Sơn.

B. Hoành Sơn.

C. Bạch Mã.

D. Trường Sơn Bắc.

1. Phát biểu nào sau đây không đúng với khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc nước ta (từ dãy Bạch Mã trở ra)?

A. Trong năm có một mùa đông lạnh.

B. Có 2 - 3 tháng nhiệt độ dưới 18Oc.

C. Biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ.

D. Nhiệt độ trung bình năm trên 20oC.

1. Đặc điểm nào sau đây không đúng với khí hậu của phần phía Nam lãnh thổ (từ 16°B trở vào)?

A. Không có tháng nào nhiệt độ dưới 20°C.

B. Nhiệt độ trung bình năm trên 25oC.

C. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn.

D. Có hai mùa mưa và khô rõ rệt.

1. Điểm nào sau đây không đúng với thiên nhiên vùng biển và thềm lục địa nước ta?

A. Vùng biển lớn gấp 3 lần diện tích đất liền.

B. Thềm lục địa phía Bắc và phía Nam có đáy nông, mở rộng.

C. Đường bờ biển Nam Trung bộ bằng phẳng.

D. Thềm lục địa ở miền Trung thu hẹp, tiếp giáp vùng biển nước sâu.

1. Cảnh quan tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Nam là

A. đới rừng gió mùa cận xích đạo.

B. đới rừng xích đạo

C. đới rừng gió mùa nhiệt đới. D. đới rừng nhiệt đới

1. Cảnh quan tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Bắc là

A. đới rừng gió mùa cận xích đạo.

B. đới rừng xích đạo

C. đới rừng gió mùa nhiệt đới.

D. đới rừng nhiệt đới

1. Cảnh quan thiên nhiên rừng cận xích đạo gió mùa tiểu biểu cho

A. Phần lãnh thổ phía Nam

B. Phần lãnh thổ phía Bắc

C. Đồng bằng ven biển phía Đông

D. Vùng núi cao phía Tây

1. Đồng bằng Bắc bộ và đồng bằng Nam bộ có đặc điểm

Mở rộng với các bãi triều thấp phẳng

Thềm lục địa hẹp, sâu

Thiên nhiên không có sự thay đổi theo mùa.

Nhiều dạng địa hình bồi tụ, mài mòn xen kẽ nhau như cồn cát, đầm phá

1. Dải đồng bằng ven biển Trung bộ có đặc điểm

Hẹp ngang, bị chia cắt thành những đồng bằng nhỏ,

Thềm lục địa rộng, nông;

Mở rộng với các bãi triều thấp phẳng

Thiên nhiên ôn hòa có tiềm năng lớn về du lịch và kinh tế biển.

1. Độ nông - sâu, rộng - hẹp của thềm lục địa

có quan hệ chặt chẽ với vùng đồng bằng, đồi núi kề bên và thay đổi theo từng đoạn bờ biển.

không có quan hệ với vùng đồng bằng, đồi núi kề bên và không thay đổi trên suốt dọc bờ biển.

không có quan hệ với vùng đồng bằng, đồi núi kề bên và thay đổi theo từng đoạn bờ biển.

có quan hệ chặt chẽ với vùng đồng bằng, đồi núi kề bên và không thay đổi theo từng đoạn bờ biển.

1. Đai nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc có độ cao

dưới 600-700 m

dưới 900-1000 m.

dưới 2600 m.

dưới 2000 m.

1. Đai cận nhiệt gió mùa trên núi có độ cao đến

2600 m

600 m

1000 m

2000 m

1. Đai ôn đới gió mùa trên núi phân bố từ

2600 m trở lên

2000 m trở lên

1000 m trở lên

900 m trở lên

1. Loại đất chính ở đai ôn đới gió mùa trên núi là

Đất feralit vùng đồi núi thấp

Đất mùn thô

Đất mùn

Đất feralit có mùn

1. Loại đất chính ở đai nhiệt đới gió mùa là

Đất feralit vùng đồi núi thấp

Đất mùn thô

Đất mùn

Đất feralit có mùn

1. Loại đất chính ở đai cận nhiệt gió mùa trên núi là

Đất feralit vùng đồi núi thấp

Đất mùn thô và đất mùn

Đất feralit có mùn và đất mùn

Đất feralit và đất phù sa

1. Khoáng sản nổi bật ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

A. dầu khí và bôxit.

B. thiếc và khí tự nhiên.

C. vật liệu xây dựng vá quặng sắt.

D. than đá và apatit.

1. Khoáng sản nổi bật ở miền Tây Băc và Bắc Trung Bộ là

A. dầu khí và bôxit.

B. thiếc, sắt, crom, titan

C. than đá và apatit.

D. vật liệu xây dựng vá quặng sắt.

1. Khoáng sản nổi bật ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

A. dầu khí và bôxit.

B. khí tự nhiên, than đá, sắt

C. thiếc, sắt, crom, titan

D. vật liệu xây dựng vá quặng sắt.

1. Đặc điểm nào không phải của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

A. Các loài cây họ Dầu phát triển.

B. Núi hướng vòng cung, đồng bằng mở rộng.

C. Sông ngòi, thời tiết có nhiều thất thường.

D.Giàu khoáng sản: than, sắt, chì, kẽm….

1. Đặc điểm nào không phải của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ

A. Các loài cây họ Dầu phát triển.

B. Có các sơn nguyên bóc mòn và các cao nguyên badan

C. Rét đậm, rét hại vào mùa đông

D. Dầu khí, Boxit có trữ lượng lớn.

1. Các dãy núi trong miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ chạy theo hướng chính là

A. tây bắc - đông nam.

B. tây nam - đông bắc.

C. đông - tây.

D. đông bắc - tây nam.

1. Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho thiên nhiên nước ta có sự phân hóa Bắc - Nam?

A. Do lãnh thổ nước ta hẹp ngang theo chiều kinh độ.

B. Do nước ta nằm trong khu vực Đông Nam Á.

C. Do lãnh thổ nước ta kéo dài theo nhiều vĩ độ.

D. Do nước ta tiếp giáp biển.

1. Nguyên nhân dẫn tới sự phân hoá lượng mưa theo không gian ở nước ta là

A. tác động của hướng các dãy núi.

B. sự phân hoá độ cao địa hình.

C. tác động của gió mùa.

D. tác động kết hợp của gió mùa và địa hình.

1. Phía Bắc ở độ cao trên 600m, còn phía Nam phải 1000m mới có đai khí hậu cận nhiệt. Lí do chính là vì

A. địa hình phía Bắc cao hơn phía Nam.

B. phía Bắc mưa nhiều hơn phía Nam.

C. nhiệt độ trung bình năm của phía Nam cao hơn phía Bắc.

D. phía Nam có hệ thống sông ngòi dày đặc.

1. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có khí hậu cận xích đạo, vì miền này

A. Nằm gần xích đạo.

B. Tiếp giáp với vùng biển rộng lớn.

C. Không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

D. Chủ yếu có địa hình thấp.

1. Nguyên nhân cơ bản khiến cho miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ chịu tác động mạnh của gió mùa Đông Bắc là

A. đặc điểm độ cao địa hình và hướng các dãy núi.

B. vị trí địa lí nằm gần chí tuyến Bắc.

C. vị trí địa lí giáp Trung Quốc và vịnh Bắc Bộ.

D. đặc điểm hướng nghiêng của địa hình (cao ở tây bắc và thấp dần về phía nam, đông nam).

1. Miền Tây bắc và Bắc Trung Bộ có điều kiện để phát triển du lịch và giao thông vận tải biển vì

A. ven biển nhiều vũng vịnh, bãi biển đẹp

B. ven biển có nhiều đầm phá

C. ven biển các dãy núi đâm ngang ra biển

D. ven biển có các dòng biển hoạt động theo mùa

1. Nhà thơ Tố Hữu có viết “Trường Sơn đông nắng, tây mưa”. Câu thơ trên là biểu hiện của

A. thiên nhiên nước ta phân hóa Bắc - Nam.

B. thiên nhiên nước ta phân hóa theo kinh độ.

C. thiên nhiên nước ta phân hóa Đông - Tây.

D. thiên nhiên nước ta phân hóa theo độ cao.

1. GS. Lê Bá Thảo từng viết "từ đèo Hải Vân trở vào thì chế độ nhiệt trong năm điều hòa hơn" (trích Thiên nhiên Việt Nam). Câu nói trên thể hiện rằng

A. thiên nhiên nước ta phân hóa Bắc - Nam.

B. thiên nhiên nước ta phân hóa theo kinh độ.

C. thiên nhiên nước ta phân hóa Đông - Tây.

D. thiên nhiên nước ta phân hóa theo độ cao.

1. Vùng ĐBSH có thể trồng được một vụ rau mùa đông trong khi ĐBSCL lại không thể có thể xem là kết quả của

A. thiên nhiên nước ta phân hóa Bắc - Nam.

B. thiên nhiên nước ta phân hóa theo kinh độ.

C. thiên nhiên nước ta phân hóa Đông - Tây.

D. thiên nhiên nước ta phân hóa theo độ cao.

1. Càng về phương Bắc nước ta, các loài thú có lông dày có điều kiện phát triển là biểu hiện của sự phân hóa thiên nhiên theo

A. đông – tây.

B. bắc – nam.

C. đất đai.

D. sinh vật.

1. Sự phân hóa các khu vực địa hình: vùng biển - thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi là biểu hiện của sự phân hóa theo

A. đông – tây.

B. bắc – nam.

C. đất đai.

D. sinh vật.

1. Từ vùng Đông Nam Bộ lên TP. Đà Lạt trên cao nguyên Lâm Viên, càng đi ta càng thấy cảnh quan thiên nhiên thay đổi. Sự thay đổi đó là biểu hiện của phân hóa thiên nhiên theo

A. đông – tây.

B. bắc – nam.

C. độ cao

D. sinh vật.

1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, đỉnh núi cao nhất ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là

A. Phanxipăng.

B. Phu Luông.

C. Pu Trà.

D. Pu Hoạt

1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, cao nguyên có độ cao cao nhất ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

A. Kon Tum.

B. Đắk Lắk.

C. Mơ Nông.

D. Lâm Viên.

1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, đỉnh núi nào sau đây không thuộc Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

A. Tây Côn Lĩnh.

B. Phu Luông.

C. Kiều Liêu Ti.

D. Pu Tha Ca.

1. Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 13 – 14, sông nào thuộc miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ

A. Sông Thu Bồn

B. Sông Gianh

C. Sông Cả

D. Sông Mã

1. Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 13 – 14, cửa sông nào thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ

A. cửa Thái Bình

B. cửa Gianh

C. cửa Đại

D. cửa Soi Rạp

1. Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 13 – 14, vịnh biển thuộc vùng Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là

A. Vịnh Diễn Châu

B. Vịnh Hạ Long

C. Vịnh Vân Phong

D. Vịnh Cam Ranh

1. Đối với nước ta, để bảo đảm cân bằng môi trường sinh thái cần phải

A. duy trì diện tích rừng ít nhất là như hiện nay.

B. đạt độ che phủ rừng lên trên 50%.

C. nâng diện tích rừng lên khoảng 14 triệu ha.

D. nâng độ che phủ lên từ 45% - 50%, ở vùng núi lên 70% - 80%.

1. Biện pháp quan trọng nhằm bảo vệ sự đa dạng sinh học

A. Nghiêm cấm việc khai thác rừng, săn bắn động vật.

B. Đưa vào “Sách đỏ Việt Nam” những động, thực vật quý hiếm cần bảo vệ.

C. Xây dựng hệ thống vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên.

D. Tăng cường bảo vệ rừng và đẩy mạnh việc trồng rừng.

1. Đối với đất ở miền núi phải bảo vệ bằng cách

A. Tăng cường bón phân, cải tạo thích hợp theo từng loại đất.

B. Áp dụng tổng thể các biện pháp thuỷ lợi, canh tác nông - lâm.

C. Đẩy mạnh thâm canh, bảo vệ vốn rừng.

D. Nâng cao hiệu quả sử dụng, có chế độ canh tác hợp lí.

1. Biểu hiện của suy giảm đa dạng sinh học nước ta là

A. Nhiều loài giảm sút số lượng, một số loài quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng.

B. Sự đa dạng về thành phần loài và các kiểu hệ sinh thái.

C. Sinh vật nước ta có tính đa dạng sinh học cao.

D. Sinh vật nước ta có nguồn gen quý hiếm.

1. Loại đất chiếm tỉ lệ lớn nhất trong các loại đất phải cải tạo ở nước ta hiện nay là

A. đất than bùn, glây hoá.

B. đất mặn.

C. đất phèn.

D. đất xám bạc màu.

1. Hiện trạng tài nguyên rừng của nước ta hiện nay

A. Tài nguyên rừng của nước ta đang được phục hồi cả về số lượng lẫn chất lượng.

B. Tài nguyên rừng đang tiếp tục bị suy giảm cả về số lượng lẫn chất lượng.

C. Chất lượng rừng đã được phục hồi nhưng diện tích rừng đang giảm sút nhanh.

D. Dù tổng diện tích rừng đang được phục hồi nhưng chất lượng vẫn chưa phục hồi như trước.

1. Đối với rừng đặc dụng, chúng ta cần

A. cho phép khai thác đi đôi với nâng cao chất lượng rừng.

B. bảo vệ tuyệt đối một phần, cho khai thác phần còn lại.

C. khai thác hợp lý kết hợp duy trì và phát triển.

D. bảo vệ tuyệt đối, không cho phép khai thác.

1. Đây là một biện pháp quan trọng nhằm bảo vệ rừng đặc dụng?

A. Có kế hoạch, biện pháp bảo vệ nuôi dưỡng rừng hiện có.

B. Bảo vệ cảnh quan đa dạng sinh học ở các vườn quốc gia.

C. Đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng.

D. Trồng rừng trên đất trống đồi trọc.

1. Đây là một biện pháp quan trọng nhằm bảo vệ rừng sản xuất?

A. Đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng.

B. Giao quyền sử dụng đất và bảo vệ rừng cho người dân.

C. Bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh học của các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên.

D. Có kế hoạch, biện pháp bảo vệ, nuôi dưỡng rừng hiện có.

1. Mặc dù tổng diện tích rừng đang dần tăng lên, nhưng tài nguyên rừng nước ta vẫn bị suy thoái vì

A. chất lượng rừng không ngừng giảm sút.

B. rừng giàu hiện nay còn rất ít.

C. diện tích rừng nghèo và rừng mới phục hồi chiếm phần lớn.

D. diện tích rừng giàu và rừng phục hồi tăng lên.

1. Nguyên nhân chính làm cho nguồn nước của nước ta bị ô nhiễm nghiêm trọng là

A. việc khai thác dầu khí ở ngoài thềm lục địa và các sự cố tràn dầu trên biển.

B. giao thông vận tải đường thuỷ phát triển, lượng xăng dầu, chất thải trên sông nhiều.

C. nông nghiệp thâm canh cao nên sử dụng quá nhiều phân hoá học, thuốc trừ sâu.

D. hầu hết nước thải của công nghiệp và đô thị đổ thẳng ra sông mà chưa qua xử lí.

1. Loại hình không khuyến khích phát triển mạnh ở khu bảo tồn thiên nhiên là

A. hoạt động du lịch quy mô lớn.

B. hoạt động giáo dục môi trường.

C. hoạt động nghiên cứu khoa học.

D. hoạt động bảo vệ động thực vật.

1. Ở nước ta, nước thải của công nghiệp và sinh hoạt đổ thẳng ra sông là nguyên nhân gây nên

A. Ô nhiễm nước

B. Ô nhiễm không khí

C. Ô nhiễm đất

D. Ô nhiễm sinh học

1. Để bảo vệ các loài động vật thì cũng cần chú ý trồng và bảo vệ rừng vì

A. rừng vừa là nơi sinh sống vừa là nguồn thức ăn

B. rừng cung cấp nơi trú ẩn cho các loài động vật

C. rừng cung cấp thức ăn cho các loài động vật

D. rừng là nơi các loài động vật sinh sản duy trì nòi giống

1. Ở nước ta, việc sử dụng các chất hóa học trong quá trình canh tác sẽ

A. có thể gây nên ô nhiễm môi trường do đó cần có biện pháp sử dụng hợp lí.

B. không ảnh hưởng đến môi trường nên có thể sử dụng nhiều hơn.

C. có ảnh hưởng đến môi trường nhưng không đáng kể nên vẫn có thể tiếp tục sử dụng nhiều hơn.

D. có thể gây nên ô nhiễm môi trường nhưng không quan trọng, có thể sử dụng nhiều hơn.

1. Cho bảng số liệu

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | Tổng DT có rừng (triệu ha) | DT rừng tự nhiên (triệu ha) | DT rừng trồng(triệu ha) | Độ che phủ(%) |
| 1943 | 14,3 | 14,3 | 0 | 43,0 |
| 1983 | 7,2 | 6,8 | 0,4 | 22,0 |
| 2005 | 12,7 | 10,2 | 2,5 | 38,0 |

Biểu đồ nào thích hợp nhất để thể hiện diện tích và độ che phủ rừng ở nước ta

A. Cột chồng kết hợp đường

B. Cột ghép kết hợp đường

C. Cột đơn kết hợp đường

D. Cột kết hợp đường

1. Cho bảng số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2005 (nghìn ha)

|  |  |
| --- | --- |
|  Loại đất |  Diện tích |
| Tổng diện tích | 33121,2 |
| Đất nông nghiệp | 9412,2 |
| Đất lâm nghiệp | 14437,3 |
| Đất ở và chuyên dùng | 2003,7 |
| Đất chưa sử dụng | 7268,0 |

Biểu đồ nào thích hợp nhất thể hiện cơ cấu sử dụng đất của nước ta năm 2005

A. Tròn

B. Đường

C. Cột

D. Miền

Nhận xét

1. Cho bảng số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2005 (nghìn ha)

|  |  |
| --- | --- |
|  Loại đất |  Diện tích |
| Tổng diện tích | 33121,2 |
| Đất nông nghiệp | 9412,2 |
| Đất lâm nghiệp | 14437,3 |
| Đất ở và chuyên dùng | 2003,7 |
| Đất chưa sử dụng | 7268,0 |

Cho biết đất chủ yếu sử dụng cho mục đích nào và bao nhiều %?

A. Đất lâm nghiệp – 43,6%

B. Đất lâm nghiệp – 21,8%

C. Đất nông nghiệp – 28,4%

D. Đất nông nghiệp – 14,2%

1. Cho biểu đồ sau (đơn vị %)



Các số liệu trên được thu thập tại Việt Nam. Hãy cho biết nội dung chính của biểu đồ trên

A. Thay đổi trong cơ cấu sử dụng đất của nước ta giai đoạn 1989 – 2003

B. Diện tích đất theo mục đích sử dụng của nước ta giai đoạn 1989 – 2003

C. Tài nguyên đất của nước ta giai đoạn 1989 – 2003

D. Diện tích các nhóm đất ở nước ta

1. Cho biểu đồ sau của nước ta



Hãy cho biết nội dung chính của biểu đồ trên

A. Hiện trạng tài nguyên rừng nước ta giai đoạn 1943 – 2010

B. Cơ cấu tài nguyên rừng nước ta giai đoạn 1943 – 2010

C. Độ che phủ rừng nước ta giai đoạn 1943 – 2010

D. Diện tích rừng nước ta giai đoạn 1943 – 2010

1. Cho biểu đồ sau của nước ta



Nhận xét nào sau đây không đúng với biểu đồ trên

A. Diện tích rừng nước ta giảm liên tục

B. Diện tích rừng nước ta có phục hồi

C. Phục hồi tài nguyên rừng chủ yếu nhờ vào rừng trồng

D. Độ che phủ rừng đang tăng dần những năm gần đây

1. Mùa bão ở nước ta (thông thường) từ tháng

A. 7 - 12.

B. 6 - 11.

C. 5 - 10.

D. 5 - 12

1. Ở nước ta 70% số cơn bão trong toàn mùa bão tập trung vào các tháng

A. 8, 9, 10.

B. 7, 8, 9.

C. 9, 10, 11.

D. 10, 11, 12

1. Mùa bão đôi khi

A. đến sớm vào tháng 5 và kết thúc muộn sang tháng 12.

B. đến sớm vào tháng 6 và kết thúc muộn sang tháng 11.

C. đến sớm vào tháng 6 và kết thúc muộn sang tháng 12.

D. đến sớm vào tháng 5 và kết thúc muộn sang tháng 11.

1. Biện pháp nào không đúng trong công tác phòng chống bão

Tăng cường tính chính xác của công tác dự báo.

Tàu thuyền phải gấp rút ra khơi trước khi bão vào đất liền

Ven biển củng cố công trình đê biển.

Khẩn trương sơ tán dân, gia cố các công trình

1. Biện pháp nào không đúng trong việc giảm thiểu tác hại do lũ quét gây ra

Quy hoạch phát triển các điểm dân cư hợp lí

Trồng rừng trên đất trống, đồi trọc

Có các biện pháp nhằm tăng độ dốc bề mặt

Thực hiện hợp lí các biện pháp thủy lợi

1. Biện pháp nhằm giảm thiểu tác hại do khô hạn kéo dài gây ra

Quy hoạch phát triển các điểm dân cư hợp lí

Trồng rừng trên đất trống, đồi trọc

Dẫn nước biển vào sâu trong đất liền

Thực hiện hợp lí các biện pháp thủy lợi

1. Trung bình mỗi năm có bao nhiêu cơn bão đổ bộ vào vùng bờ biển nước ta

A. 3-4 cơn

B. 5-6 cơn

C. 7-8 cơn

D. 1-2 cơn

1. Năm bão nhiều thì số cơn bão đổ bộ vào vùng bờ biển nước ta có thể đến

A. 8-10 cơn

B. 3-4 cơn

C. 5-6 cơn

D. 1-2 cơn

1. Năm bão ít thì số cơn bão đổ bộ vào vùng bờ biển nước ta

A. 8-10 cơn

B. 3-4 cơn

C. 5-6 cơn

D. 1-2 cơn

1. Bão tác động và gây thiệt hại nặng nhất ở

ven biển Trung Bộ

ven biển Nam Bộ

ven biển Bắc Bộ

ven biển Bắc và Nam Bộ

1. Vùng ven biển ít chịu tác động của bão nhất nước ta là

ven biển Trung Bộ

ven biển Nam Bộ

ven biển Bắc Bộ

ven biển Bắc và Nam Bộ

1. Vùng ven biển Nam Bộ nước ta

A. không có bão.

B. bão chỉ diễn ra vào đầu mùa mưa.

C. ít chịu ảnh hưởng của bão

D. bão chỉ diễn ra vào các tháng đầu năm.

1. Đồng bằng Duyên hải miền Trung ít bị ngập úng hơn Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long vì

A. mật độ dân cư thấp hơn, ít có những công trình xây dựng lớn.

B. lượng mưa lớn nhưng rải ra trong nhiều tháng nên mưa nhỏ hơn.

C. lượng mưa ở Duyên hải miền Trung thấp hơn.

D. do địa hình cao và dốc ra biển nên dễ thoát nước.

1. Hạn hán ở miền Nam nước ta

A. khắc nghiệt và kéo dài hơn miền Bắc.

B. ít khắc nghiệt và ngắn hơn miền Bắc.

C. xảy ra gần như quanh năm

D. chỉ xảy ra khi có hiện tượng El Nino.

1. Nguyên nhân gây ngập lụt nào sau đây thể hiện rõ rệt ở vùng Trung Bộ hơn ở ĐBSCL là

A. thủy triều

B. mưa bão

C. mưa lớn

D. sông lớn

1. Lũ quét và ngập lụt khác nhau chủ yếu ở

A. Lũ quét xảy ra ở miền núi, ngập lụt ở đồng bằng

B. Lũ quét xảy ra ở đồng bằng, ngập lụt ở miền núi

C. Lũ quét thường xảy ra ở miền Nam, ngập lụt ở miền Bắc

D. Lũ quét thường xảy ra ở miền Bắc, ngập lụt ở miền Nam

1. Rét, sương muối, động đất là các loại thiên tai thường xảy ra nhất ở

A. Tây Bắc

B. Đông Nam Bộ

C. Đồng bằng sông Hồng

D. Tây Nguyên

1. Ở miền Nam, hạn hán thường xảy ra và khắc nghiệt hơn là vì

A. Do nền nhiệt cao hơn

B. Do có một mùa khô kéo dài

C. Do chịu ảnh hưởng gió mùa Đông Bắc

D. Do chịu ảnh hưởng gió Lào

1. Dựa vào Atlat Địa lý Việt Nam, từ TP. Hồ Chí Minh đến Cà Mau, thời gian bão thường xảy ra là

A. tháng 10 -11.

B. tháng 9.

C. tháng 9, 10.

D. tháng 12.

1. Dựa vào Atlat Địa lý Việt Nam, từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh, thời gian bão thường xảy ra là

A. tháng 10 -11.

B. tháng 9.

C. tháng 9, 10.

D. tháng 12.

1. Dựa vào Atlat Địa lý Việt Nam, từ Quảng Ninh đến Thái Bình, thời gian bão thường xảy ra là

A. tháng 10 -11.

B. tháng 9.

C. tháng 9, 10.

D. tháng 6-7.

1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết khu vực nào chịu ảnh hưởng của gió Tây khô nóng rõ nét nhất ở Việt Nam?

A. ĐBSH. B. Tây Bắc. C. DHNTB. D. Bắc Trung Bộ.

1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, phần lớn diện tích lưu vực hệ thống sông Mê Công ở nước ta thuộc hai vùng là

A. ĐBSCL và DHNTB.

B. ĐBSCL và Đông Nam Bộ.

C. Tây Nguyên và ĐBSCL.

D. ĐBSCL và Bắc Trung Bộ.

1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 11, các vùng có diện tích đất feralit trên đá badan lớn nhất ở nước ta là

A. TD&MN Bắc Bộ và Tây Nguyên.

B. Bắc Trung Bộ và DHMT.

C. Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

D. DHNTB và Đông Nam Bộ.